

## TỪ 16 VỊ LA HÁN ĐIỂN BIẾN THÀNH 18 VỊ

HT.Phước Sơn

--- oOo ---

*Nguồn*

*<http://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 16-8-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

Sự tích 16 vị La Hán được chép trong sách Pháp Trụ Ký. Sách này do vị Đại A La Hán Nan Đề Mật Đa La trước thuật và tam tạng Pháp sư Huyền Trang (600-664) dịch ra chữ Hán.

Ngài Nan Đề Mật Đa La (còn có tên là Khánh Hữu) người Tích Lan, ra đời khoảng năm 800 năm sau Phật Niết bàn. Theo Pháp Trụ Ký thì Ngài chỉ lược thuật lại kinh Pháp Trụ Ký do Phật thuyết giảng mà thôi. Sách này trình bày danh tánh, trú xứ và sứ mệnh của 16 vị La Hán. Các Ngài đã đạt được Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát, vâng thừa giáo chỉ của Phật, kéo dài thọ mạng, trụ tại thế gian tại thế gian để hộ trì chánh pháp và làm lợi lạc quần sanh. Mỗi khi các tự viện tổ chức lễ hội khánh thành, làm phúc, cúng dường trai Tăng, các Ngài cùng với quyền thuộc thường vận dụng thần thông đến để chứng minh, tham dự, nhưng chúng ta không thể nào thấy được. Hiện nay tuổi thọ trung bình của loài người là 80 tuổi. Tuổi thọ này - theo Pháp Trụ Ký - sẽ giảm dần còn 10 tuổi là giai đoạn cuối cùng của kiếp giảm. Sau đó, sang giai đoạn kiếp tăng, tuổi thọ con người từ 10 tuổi tăng dần đến 70000 tuổi, bấy giờ các Ngài sẽ chấm dứt nhiệm vụ và nhập Niết bàn. (Bởi vì khi tuổi thọ loài người đến 80000 tuổi thì đức Phật Di Lạc sẽ ra đời).

Danh tánh và trú xứ của các Ngài như sau:

1. Tân Đầu Lô Bạt La Đọa Xà (S: Pindolabharadvaja), vị tôn giả này cùng 1000 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Tây Ngưu Hóa châu.
2. Ca Nặc Ca Phạt Sa (S: Kanakavatsa), vị tôn giả này cùng với 500 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại phương Bắc nước Ca Thập Di La.
3. Ca Nặc Ca Bạt Ly Đọa Xà (S: Kanakabharadvaja), vị tôn giả này cùng 600 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Đông Thắng Thân châu.
4. Tô Tân Đà (S: Subinda), vị tôn giả này cùng với 700 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Bắc Cu Lô châu.

5. Nặc Cự La (S: Nakula), vị tôn giả này cùng 800 vị A La Hán phần lớn cư trú tại Nam Thiệm Bộ châu.

6. Bạt Đa La (S: Bhadra), vị tôn giả này cùng 800 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Đam Một La châu.

7. Ca Lý Ca (S: Kàilika), vị tôn giả này cùng với 1000 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Tăng Già Trà châu.

8. Phạt Xà La Phát Đa La (S: Vajraputra), vị tôn giả này cùng với 1100 vị A La Hán , phần lớn cư trú tại Bát Thứ Noa châu.

9. Thú Bát Ca (S: Jivaka), vị tôn giả này cùng với 900 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại trong núi Hương Túy.

10. Bán Thác Ca (S: Panthaka), vị tôn giả này cùng với 1300 vị A La Hán cư trú tại cõi trời 33. 11. La Hổ La (S: Ràhula), vị tôn giả này cùng với 1100 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại Tất Lợi Dương Cù châu.

12. Ma Già Tê Na (S: Nàgasena), vị tôn giả này cùng với 1200 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại núi Bán Độ Ba.

13. Nhân Yết Đà ( S: Angala), vị tôn giả này cùng với 1300 vị A Lan Hán, phần lớn cư trú tại trong núi Quảng Hiệp. 14. Phạt Na Bà Tư (S: Vanavàsin), vị tôn giả này cùng 400 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại trong núi Khả Trụ.

15. A Thị Đa (S: Ajita), vị tôn giả này cùng với 1500 vị A La Hán, phần lớn cư trú tại trong núi Thử Phong.

16. Chú Trà Bán Thác Ca (S: Cùdapanthaka), vị tôn giả này cùng với 600 vị A La Hán, phần lớn cư trú trong núi Trì Trục.

Sau khi Pháp Trụ ký được dịch sang chữ Hán, Thiền sư Quán Hưu (832-912), vốn là một họa sĩ tài ba đã vẽ ra hình ảnh 16 vị A La Hán. Tương truyền, nhân Thiền sư nằm mơ cảm ứng thấy được hình ảnh của các Ngài rồi vẽ lại. Những hình ảnh này ngày nay người ta còn tìm thấy tàng trữ nơi vách tường Thiên Phật động tại Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc trung Quốc. Sau Thiền sư Quán Hưu còn có họa sĩ Pháp Nguyên, Pháp Cảnh và Tăng Diệu cũng chuyên vẽ về các vị La Hán.

#### VÌ SAO 16 VỊ LA HÁN TRỞ THÀNH 18 VỊ ?

Từ khi có hình ảnh 16 vị La Hán, các chùa thường tôn trí hình ảnh của các Ngài, và từ con số 16 người ta thêm tôn giả Khánh Hữu thành 17 và tôn giả Tân Đầu Lô thành 18 (nhưng không biết ai là tác giả đầu tiên của con số 18 này). Thật ra tôn giả Khánh Hữu (tên dịch nghĩa ra chữ Hán) vốn là Nan Đề Mật Đa La (tên phiên âm từ chữ Phạn), người đã thuyết minh sách Pháp Trụ Ký; còn Tân Đầu Lô chính là Tân Đầu Lô Bạt La Đọa

Xa2, vị La Hán thứ nhất trong 16 vị. Do không am tường kinh điển và không hiểu tiếng Phạn mà thành lầm lẫn như thế. Về sau, Sa môn Giáp Phạm và Đại thi hào Tô Đông Pha (1036-1101) dựa vào con số 18 này mà làm ra 18 bài văn ca tụng. Mỗi bài đều có đề tên một vị La Hán. Rồi họa sĩ Trương Huyền lại dựa vào 18 bài văn ca tụng của Tô Thức mà tạc tượng 18 vị La Hán, nhưng lại thay hai vị 17 và 18 bằng tôn giả Ca Diếp và Quân Đề Bát Thán. Do thế mà từ con số 16 lần hồi trở thành con số 18. Từ đời Nguyên trở đi, tại Trung Quốc cũng như Việt Nam, con số 18 này được mọi người mặc nhiên chính thức công nhận, con số 16 chỉ còn lưu giữ trong sổ sách mà thôi. Nhưng, tại Tây Tạng, ngoài 16 vị trên, người ta thêm Đạt Ma Đa La, Bồ Đại Hòa Thượng, hoặc thêm hai tôn giả Hoàng Long, Phục Hồ, hoặc thêm Ma da Phu nhân, Di Lặc để thành ra 18 vị.

#### NGOÀI RA CÒN CÓ HAI SỰ TÍCH KHÁC NÓI VỀ 18 VỊ LA HÁN.

1. Sự tích thứ nhất được kể trong tập sách viết bằng chữ Hán của thầy Giao thọ Hoàng Khai, trụ trì chùa Càn An, tỉnh Bình Định, vào năm Tự Đức thứ tư (1851). Theo sách này thì nước Triệu có nàng công chúa tên là Hy Đạt, vốn rất chí thành mộ đạo, nàng chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà. Năm 15 tuổi, nàng ăn một đóa hoa sen vàng rồi hoài thai đến 6 năm mới sinh ra 18 đồng tử. Các đồng tử ấy về sau được đức Quan Âm hóa độ và thọ ký đ73 họ trở thành 18 vị La Hán.

Nội dung sự tích này khá lý thú, tương đối có giá trị về mặt văn chương, nhưng cốt truyện lại pha trộn tinh thần Phật, Khổng, Lão nên ít có giá trị về mặt lịch sử.

2. Sự tích thứ hai: tương truyền ngày xưa tại Trung Quốc có 18 tên tướng cướp rất hung hãn. Về sau họ hồi tâm cải tà quy chánh, nương theo Phật pháp tu hành và đắc quả A La Hán.

Sự tích này tương đối có ý nghĩa, nhưng lại có tính cách huyền thoại, do đó ít được người ta chấp nhận.

(Xem: Phật Quang Đại Tự Điển, tr.359, 394, 4791, 6787; Phật học Đại Tự Điển, tr. 2844-2845; Pháp Trụ Ký, Hán tạng tập 49 tr.12; Phật Tổ Thống Kỷ, quyển 33, Hán tạng tập 49, tr. 319; Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Kinh, Hán tạng tập 14, tr.421 - )

--- oOo ---  
Hết